

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 10
VÀ 10 THÁNG NĂM 2021 TỈNH BẾN TRE

I. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

Cây lúa: Trong tháng báo cáo, người trồng lúa trên địa bàn tỉnh tập trung chăm sóc vụ lúa thu đông năm 2021 và vụ lúa mùa năm 2022. Ở vụ thu đông năm 2021, các huyện đã xuống giống ước khoảng 10.559 ha, đạt 100% so kế hoạch. Phần lớn diện tích lúa đang trong giai đoạn mạ, thời tiết thuận lợi nên cây lúa phát triển tốt. Ở vụ mùa năm 2022 (vùng tôm - lúa) các huyện có canh tác đã thực hiện xuống giống ước 5.027 ha, đạt 100,54% so kế hoạch, phần lớn diện tích đang giai đoạn đẻ nhánh, lúa phát triển tốt.

Các loại cây hàng năm khác: Cây rau các loại được người dân trên địa bàn tỉnh canh tác quay vòng quanh năm. Phần lớn diện tích rau màu tỉnh Bến Tre được trồng tập trung ở các huyện Ba Tri, Thạnh Phú và Bình Đại. Phần diện tích còn lại chỉ trồng nhỏ lẻ mang tính tự cung, tự cấp nhằm cải thiện bữa ăn cho hộ gia đình. Tổng diện tích toàn tỉnh ước tính đến nay là 3.635 ha, giảm 2,52% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do một số vùng trồng không chuyên canh, canh tác rau màu không hiệu quả nên người dân chủ động bỏ vụ, chuyển sang trồng cỏ, cây lâu năm... Tổng sản lượng cây rau các loại toàn tỉnh trong tháng ước tính được 9.526 tấn, lũy kế đến nay được 76.918 tấn, tăng 3,08% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do năng suất thu hoạch tăng.

Cây dừa: Diện tích dừa tiếp tục tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước với 74.857 ha, chiếm 73,47% trong tổng diện tích cây lâu năm và tăng 1,17% so cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, diện tích dừa tăng so cùng kỳ nguyên nhân là do một số diện tích cây trồng khác không hiệu quả hoặc không còn phù hợp với vùng canh tác được người dân chuyển sang trồng dừa vì cây dừa dễ trồng và ít tốn công cũng như chi phí chăm sóc. Tổng sản lượng dừa trong tháng toàn tỉnh ước tính đạt 53.216 tấn, tăng 1,60% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 10 tháng

đầu năm sản lượng dừa thu hoạch ước đạt 553,1 nghìn tấn, so cùng kỳ tăng 1,6%. Về tình hình sâu hại: Tổng diện tích nhiễm sâu đầu đen là 632,25 ha (diện tích nhiễm nhẹ là 329,92 ha, nhiễm trung bình 169,43 ha, nhiễm nặng 132,9 ha), trong đó: diện tích nhiễm ở huyện Chợ Lách là 105,6 ha, Châu Thành 234,03 ha, Mỏ Cà Bắc 39,3 ha, Mỏ Cà Nam 98 ha, Bình Đại 129,72 ha, Thành phố Bến Tre 24 ha, Ba Tri 1,6 ha. Các ngành chuyên môn đang phối hợp để tìm ra biện pháp phòng trị nhằm khống chế sâu đầu đen, trong đó có biện pháp nuôi thiên địch, phun thuốc hóa học để phòng trị bước đầu đã được những kết quả nhất định, tuy nhiên do cây dừa nhiều năm tuổi nên gây rất nhiều khó khăn trong công tác phòng trị.

Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh ước tính đến nay là 26.460 ha, chiếm 25,97% trong tổng diện tích cây lâu năm; giảm 4,97% (tương ứng giảm 1.398 ha) so cùng kỳ năm trước. Diện tích giảm chủ yếu là do chuyển từ vùng đất trồng chôm chôm, chuối, măng cụt, cam, sơ ri... không hiệu quả sang ươm cây giống lâu năm (ở huyện Chợ Lách, Mỏ Cà Bắc)... Tổng sản lượng trái cây các loại ước tính trong tháng toàn tỉnh đạt 21.802 tấn, tăng 3,75% so cùng kỳ năm trước, lũy kế 10 tháng đầu năm ước đạt 265.281 tấn, tăng 0,72% so cùng kỳ năm trước.

b. Chăn nuôi

Đàn lợn đang trong quá trình phục nhưng vẫn còn nhiều khó khăn như thời tiết, dịch bệnh... Hiện nay, việc tái đàn gặp rất nhiều trở ngại do giá lợn hơi biến động giảm mạnh làm người nuôi gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian báo cáo giá lợn thịt bình quân dao động ở mức 3,6 triệu đồng/tạ, giảm gần 3,4 triệu đồng/tạ so với cùng kỳ năm trước, nếu xuất chuồng trong thời gian này người nuôi sẽ bị lỗ rất nặng. Tổng đàn lợn (tính cả lợn con chưa tách mẹ) toàn tỉnh hiện có 434.217 con, so cùng kỳ tăng 9,50%. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong tháng ước tính được 7.831 tấn, giảm 0,62% so với cùng kỳ, lũy kế đến nay được 60.410 tấn, tăng 0,18% so cùng kỳ. Về tình hình dịch bệnh: trong tháng trên địa bàn tỉnh ghi nhận một ổ dịch tả lợn Châu Phi tại một hộ chăn nuôi thuộc ấp Bình Phú, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cà Nam với tổng số lợn bệnh và nghi bệnh là 581 con và đã được tiêu hủy, trọng lượng tiêu hủy 34,63 tấn. Ngành chức năng khẩn trương triển khai các giải pháp phòng, trị bệnh không để lây lan trên diện rộng.

Tổng đàn bò toàn tỉnh hiện có 236.015 con, tăng 3,69% (tương ứng tăng 8.405 con) so với cùng kỳ. Ước tính sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng trong tháng được 2.246 tấn, tăng 3,50% (tương ứng tăng 76 tấn) so cùng kỳ năm trước, lũy kế được 23.853 tấn. Nguyên nhân, là do giá cả đầu ra ổn định, vì vậy

người chăn nuôi vẫn duy trì và phát triển tổng đàn. Về tình hình dịch bệnh, trong tháng báo cáo: bệnh viêm da nổi cục (VDNC) đã xuất hiện trên đàn bò của 119 hộ, 28 ấp, 12 xã ở 03 huyện (Bình Đại, Giồng Trôm, Châu Thành) với tổng số bò bệnh là 170 con, trong đó chết 04 con; tổng số chết và tiêu hủy 04 con, trọng lượng tiêu hủy 830 kg. Lũy kế đến ngày 30/9/2021, bệnh VDNC đã xảy ra tại 131 hộ ở 17 xã ở các huyện Ba Tri, Bình Đại, Giồng Trôm, Châu Thành với tổng số bò mắc bệnh và nghi bệnh là 190 con, tổng số chết đã được tiêu hủy 04 con, trọng lượng tiêu hủy 830 kg.

Tổng đàn gia cầm toàn tỉnh hiện có 8.965 nghìn con (không tính đàn chim cút, bồ câu), tăng 0,83% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng ước tính được 3.516 tấn, tăng 2,21% (tương ứng tăng 76 tấn) so với cùng kỳ, lũy kế đến nay được 34.968 tấn, tăng 3,06% so cùng kỳ. Trong đó đàn gà toàn tỉnh hiện có 6.683 nghìn con, so với cùng kỳ năm trước giảm 0,27%. Sản lượng thịt gà hơi xuất chuồng trong tháng được 1.850 tấn, giảm 3,65% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân giảm do ảnh hưởng dịch Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội nên nhiều hộ dân không thể xuất bán. Lũy kế đến nay sản lượng thịt gà hơi xuất chuồng ước đạt 20.018 tấn, tăng 4,69% so cùng kỳ. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia cầm không có diễn biến phức tạp, trong tháng chỉ xảy ra một số loại bệnh thông thường, mức độ gây hại không cao.

2. Lâm nghiệp

Trong tháng, toàn tỉnh đã tiến hành trồng mới được khoảng 23,93 ha rừng, chủ yếu rừng phòng hộ. Việc trồng cây phân tán cũng được thực hiện thường xuyên. Trong tháng báo cáo, số cây phân tán trồng ước được 31 nghìn cây các loại. Tình hình khai thác các sản phẩm lâm nghiệp diễn ra thường xuyên do người dân khai thác nhằm phục vụ nhu cầu trong việc xây cất, sửa chữa nhà ở, chuồng trại chăn nuôi,... Các sản phẩm lâm nghiệp được khai thác thường xuyên như: lá dừa nước, tre, trúc, gỗ tạp các loại,... Tình hình thiệt hại rừng không có diễn biến phức tạp, cơ quan Kiểm lâm đã phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng và địa phương thường xuyên duy trì công tác kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp chặt phá, lấn chiếm đất rừng. Trong tháng báo cáo phát hiện và xử lý 01 trường hợp lấn chiếm đất rừng và cơ quan chức năng đã xử phạt và cam kết không tái phạm. Tình trạng cháy rừng không xảy ra.

3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản ước thực hiện trong tháng là 52.504 tấn, tăng 0,15% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến nay tổng sản lượng thủy sản ước đạt 438.570 tấn, giảm 1,81%. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

a. Nuôi thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản nuôi thu hoạch trong tháng báo cáo ước 29.533 tấn, tăng 0,62% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo sản lượng nuôi ước đạt 236.458 tấn, giảm 2,86% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể một số loại thủy sản nuôi như sau:

Nuôi tôm: Diện tích nuôi tôm sú trong tháng báo cáo ước tính khoảng 702 ha, giảm 2,09% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tôm sú thu hoạch trong tháng ước đạt 143 tấn, giảm 14,37% so với cùng kỳ năm trước và lũy kế từ đầu năm đến nay tổng sản lượng tôm sú ước đạt 1.824 tấn. Diện tích nuôi tôm sú thâm có xu hướng giảm nguyên nhân là do: thời gian nuôi tôm sú thâm canh dài hơn nhiều so với nuôi tôm thẻ chân trắng nên tỷ lệ rủi ro cũng cao hơn do đó một số hộ nuôi tôm sú thâm canh, bán thâm canh chuyển sang nuôi tôm thẻ chân trắng. Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng trong tháng báo cáo ước tính khoảng 1.083 ha, tất cả đều là diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh, so với cùng kỳ năm trước giảm 1,63%. Sản lượng tôm thu hoạch trong tháng ước đạt 11.296 tấn, tăng 5,42% so cùng kỳ năm trước, lũy kế từ đầu năm đến nay ước đạt 61.750 tấn, tăng 4,25% so cùng kỳ. Năm nay, tình hình thời tiết thuận lợi, nắng không quá gay gắt, độ mặn thích hợp nên người dân đã mạnh dạn thả nuôi ở những tháng đầu năm; bên cạnh đó, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh lên tục tăng làm cho năng suất cũng tăng so với cùng kỳ năm trước.

Nuôi cá tra thâm canh: Trong tháng diện tích nuôi cá tra thâm canh là 14 ha, so với cùng kỳ năm trước giảm 12,50%. Sản lượng cá thu hoạch trong tháng ước đạt 13.379 tấn, giảm 6,57% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến nay tổng sản lượng cá tra ước đạt 136.714 tấn, giảm 6,55% so cùng kỳ. Năm nay tuy không bị ảnh hưởng của nước mặn như cùng kỳ năm trước nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên giá cá tra nguyên liệu giảm mạnh (do sản xuất và xuất khẩu gặp nhiều khó khăn) nhiều hộ nuôi không thu hoạch được, trong khi đó chí phí lại tăng, nhiều hộ nuôi lỗ nặng.

b. Khai thác thủy sản

Sản lượng khai thác thủy sản trong 10 tháng ước đạt 22.972 tấn, giảm 0,45% so với cùng kỳ năm trước, lũy kế từ đầu năm đến nay đạt 202.112 tấn, so cùng kỳ giảm 0,54% (tương đương giảm 1.099 tấn). Nguyên nhân sản lượng đánh bắt giảm là do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên một số hộ không ra khơi để khai thác.

II. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp dự tính tháng 10 tăng 36,06% so tháng trước và tăng 3,65% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân: tỉnh Bến Tre không còn thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ từ ngày 10/9/2021 thì phần lớn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã hoạt động trở lại nhưng vẫn đảm bảo công tác phòng chống dịch đúng theo quy định. Hiện nay, tỉnh đang đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine cho người dân và đặc biệt ưu tiên tiêm vaccine cho công nhân làm việc tại các nhà máy, doanh nghiệp nhằm đảm bảo sức khỏe tạo tâm lý an tâm cho người lao động, tiếp tục duy trì đẩy mạnh sản xuất phục hồi kinh tế xã hội.

Công nghiệp khai khoáng khác tăng 60,60% so tháng trước và giảm 32,11% so cùng kỳ năm trước do các ngành chức năng thực hiện quản lý việc khai thác cát chặt chẽ hơn, nên phần lớn các cơ sở chỉ hoạt động cầm chừng; Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo, các ngành so cùng kỳ như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 2,23%; sản xuất đồ uống 2,98%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 8,92%; sản xuất các sản phẩm dệt tăng 2,42%; sản xuất trang phục tăng 12,90%; chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa... giảm 3,36%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 2,99%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 21,17%; sản xuất thuốc, hoá dược liệu giảm 3,03%; sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 9,52% so cùng kỳ năm trước; sản xuất thiết bị điện giảm 3,88%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 2,09%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 1,25%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị tăng 2,01%; sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước giảm 0,69%; khai thác, xử lý, cung cấp nước tăng 4,50%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu giảm 3,25% so cùng kỳ năm trước. Một số sản phẩm chủ yếu như: cá phi lê giảm 12,94%; cơm dừa nạo sấy giảm 12,31%; bia đóng lon tăng 9,44%; thuốc lá có đầu lọc tăng 8,92%; bộ quần áo thể thao tăng 4,74%; túi xách giảm 18,18%; giày tăng 2,94%; giấy và bì khác tăng 6,12%; thùng hộp bằng bìa cứng giảm 19,43%; bộ dây điện dùng cho xe hơi giảm 9,27%; điện thương phẩm tăng 0,64%; phân phối nước tăng 4,53% so cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 10 tháng đầu năm: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp giảm 7,91% so với cùng kỳ, trong đó: chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp khai khoáng giảm 29,48%; chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp chế biến giảm 8,77%; chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 23,35%. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp cung cấp

nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,53% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10/2021 giảm 6,25% so cùng kỳ năm trước. Lũy kế 10 tháng đầu năm chỉ số tiêu thụ của ngành này giảm 9,26% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số tồn kho tháng báo cáo giảm 20,48% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sử dụng lao động 10 tháng năm 2021 (chỉ tính cho khu vực doanh nghiệp) giảm 13,39% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh nghiệp Nhà nước tăng 3,20%; doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm 15,49%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 13,80%. Hầu hết các doanh nghiệp (doanh nghiệp ngoài nhà nước) gặp khó khăn do bị ảnh hưởng dịch Covid-19 tình hình sản xuất chưa ổn định, thiếu đơn đặt hàng.

2. Kết quả đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 10/2021, tỉnh đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 34 doanh nghiệp, so với cùng kỳ năm trước giảm 24,44%, tổng vốn đăng ký ban đầu của các doanh nghiệp mới 1.096 tỷ đồng, giảm 6,22% so cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong tháng cũng đã có 09 doanh nghiệp làm thủ tục giải thể, tăng 03 doanh nghiệp so cùng kỳ 2020; 10 doanh nghiệp làm thủ tục tạm ngừng hoạt động tăng 02 doanh nghiệp so cùng kỳ.

Lũy kế 10 tháng đầu năm 2021, tỉnh đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 327 doanh nghiệp, đạt 51,09% so kế hoạch 2021, giảm 23,42% so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên tổng vốn đăng ký ban đầu lên đến 5.721 tỷ đồng, tăng 47,52% so cùng kỳ năm trước. Số lượng doanh nghiệp làm thủ tục giải thể là 73 doanh nghiệp, giảm 58 doanh nghiệp so cùng kỳ và 159 doanh nghiệp thông báo tạm ngừng hoạt động tăng 5 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước.

III. ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý

Tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý dự tính thực hiện là 330,39 tỷ đồng, giảm 12,73% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh là 300,72 tỷ đồng, giảm 14,90% so với cùng kỳ năm trước, Trong đó: vốn cân đối ngân sách tỉnh là 45,22 tỷ đồng, tăng 4,34%; vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu là 87,23 tỷ đồng, tăng 3,11% so với cùng kỳ năm trước; vốn ODA là 10,83 tỷ đồng, giảm 84,36%; vốn xổ số kiến thiết là 157,03 tỷ đồng, tăng 0,85% so với

cùng kỳ năm trước. Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện là 28,80 tỷ đồng, tăng 17,75%. Vốn ngân sách nhà nước cấp xã là 0,86 tỷ đồng, tăng 17,96% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 10 tháng năm 2021, tổng vốn đầu tư thực hiện là 2.632,13 tỷ đồng đạt 62,04% kế hoạch năm, giảm 8,18% so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh là 2.405,82 tỷ đồng đạt 63,25% kế hoạch năm, giảm 9,30% so cùng kỳ năm trước. Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện dự tính thực hiện là 219,85 tỷ đồng đạt 51,20% kế hoạch năm, tăng 5,93% so với cùng kỳ năm trước. Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã dự tính thực hiện là 6,46 tỷ đồng, đạt 66,96% kế hoạch năm, giảm 3,06% so với cùng kỳ năm trước.

2. Tình hình xúc tiến và hỗ trợ đầu tư

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong tháng 10/2021, chưa có dự án được cấp phép mới. Tính từ đầu năm đến tháng báo cáo, tỉnh đã chỉ cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 01 dự án: dự án Trường Tiểu học – Trung học cơ sở IGC Bến Tre của Công ty cổ phần giáo dục Thành Thành Công với tổng vốn đầu tư 6,308 triệu USD. Đồng thời cấp điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đầu tư cho 20 dự án, trong đó có 03 dự án điều chỉnh giảm 88,96 triệu USD so với tổng vốn đăng ký ban đầu. Cũng trong 9 tháng đầu năm tỉnh đã tiến hành thu hồi chấm dứt 04 dự án có tổng vốn đăng ký là 1,57 triệu USD. Lũy kế đến thời điểm báo cáo toàn tỉnh có 61 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 1.627,79 triệu USD.

Đầu tư trong nước: Trong tháng không có dự án mới được cấp phép nhưng có 02 dự án xin cấp điều chỉnh bổ sung. Lũy kế từ đầu năm đến nay tỉnh đã tiến hành cấp mới giấy chứng nhận đầu tư cho 9 dự án với tổng vốn đăng ký ban đầu là 6.165,96 tỷ đồng, đồng thời cũng cấp điều chỉnh vốn đầu tư cho 26 dự án. Đồng thời cũng đã tiến hành thu hồi chấm dứt 10 dự án. Tính đến thời điểm hiện tại toàn tỉnh có 268 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 64.383,96 tỷ đồng.

IV. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DU LỊCH VÀ GIÁ CẢ

1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa

Ước tính tháng 10/2021 tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 3.096,35 tỷ đồng, giảm 7,98% so cùng kỳ; cụ thể ước thực hiện từng nhóm hàng như sau: Nhóm lương thực thực phẩm đạt 1.397,1 tỷ đồng, tăng 1,13%; nhóm hàng may mặc đạt 58,42 tỷ đồng, giảm 47,03%; nhóm đồ dùng trang thiết bị gia đình đạt 243,58 tỷ đồng, giảm 3,31%; nhóm gỗ vật liệu xây dựng đạt 578,37 tỷ đồng, tăng 20,22% so tháng trước; nhóm phương tiện đi lại đạt 166,16 tỷ đồng, tăng 6,61%; nhóm xăng dầu các loại đạt 302,35 tỷ đồng, giảm 11,09%; nhóm đá quý kim loại quý

đạt 128,11 tỷ đồng, giảm 44,52%; nhóm hàng hóa khác đạt 85,98 tỷ đồng, giảm 34,25% so với cùng kỳ...

Lũy kế 10 tháng năm 2021 tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 34.680,19 tỷ đồng, tăng 2,67% so cùng kỳ. Trong đó các nhóm hàng có tỷ trọng lớn: Nhóm hàng lương thực thực phẩm đạt doanh thu 15.449,73 tỷ đồng, chiếm 44,55% trong tổng mức bán lẻ hàng hoá, tăng 8,23% so cùng kỳ; kế đến là nhóm gỗ và vật liệu xây dựng đạt doanh thu 5.364,64 tỷ đồng chiếm 15,47%, tăng 7,99%; nhóm xăng dầu các loại 3.427,12 tỷ đồng chiếm 9,88%, giảm 1,13%; nhóm đồ dùng trang thiết bị gia đình 2.442,44 tỷ đồng, chiếm 7,04% và giảm 4,45% so với cùng kỳ năm trước.

2. Doanh thu lưu trú, ăn uống

Doanh thu các hoạt động lưu trú, ăn uống ước đạt 394,60 tỷ đồng, tăng 183,14% so tháng trước và giảm 5,13% so cùng kỳ. Tháng 10/2021 toàn tỉnh đã thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo Chỉ thị 19 nên các loại hình kinh doanh lưu trú, ăn uống cơ bản hồi phục và từng bước được nâng lên, nên doanh thu các nhóm này đã tăng trở lại so với những tháng trước. Doanh thu lưu trú tháng 10/2021 ước đạt 7,48 tỷ đồng; Doanh thu ăn uống ước đạt 387,12 tỷ đồng.

Lũy kế 10 tháng năm 2021 doanh thu của hoạt động lưu trú, ăn uống đạt khoảng 3.625,43 tỷ đồng, giảm 13,81% so cùng kỳ.

3. Hoạt động du lịch lữ hành

Hoạt động du lịch lữ hành trong tháng 10/2021 chưa phát sinh doanh thu. Lũy kế 10 tháng năm 2021, doanh thu du lịch lữ hành đạt 21,37 tỷ đồng, giảm 39,57% so với cùng kỳ năm trước.

4. Doanh thu ngành dịch vụ khác

Tổng doanh thu các ngành dịch vụ khác trên địa bàn tỉnh tháng 10/2021 ước đạt 229,56 tỷ đồng, giảm 19,75% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 10 tháng năm 2021, doanh thu các ngành dịch vụ ước đạt 2.240,91 tỷ đồng, giảm 17,53% so với cùng kỳ năm trước.

5. Giá cả

Trong tháng 10 toàn tỉnh đã dỡ bỏ giãn cách xã hội, nhưng tình hình dịch bệnh còn phức tạp và vẫn còn phát sinh trong cộng đồng gây tâm lý lo lắng cho người dân. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đã hoạt động trở nhưng vẫn vắng khách, tại các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, bách hóa xanh cơ bản bảo đảm cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu; các chợ truyền thống hoạt động ổn định, cung cấp đầy đủ các mặt hàng lương thực, thực phẩm... tiểu thương tại các chợ thực hiện nghiêm các quy định phòng chống dịch, thực hiện niêm yết giá đối hàng hóa theo quy định. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2021 của tỉnh giảm 0,44% so tháng trước,

trong đó: khu vực thành thị giảm 0,03%, khu vực nông thôn giảm 0,51%.

Trong 11 nhóm hàng hóa có 5 nhóm hàng hóa có chỉ số giá giảm, có 3 nhóm hàng hóa tăng và 3 nhóm hàng hóa ổn định so với tháng trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,72%; nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,47%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,11%; nhóm văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,22%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,05%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,23%; nhóm nhà ở điện nước, chất đốt vật liệu xây dựng tăng 0,25%; nhóm giao thông tăng 2,32%; còn lại nhóm bưu chính viễn thông, nhóm giáo dục và nhóm thuốc và dịch vụ y tế ổn định so với tháng trước

Cụ thể biến động giá của một số nhóm hàng chủ yếu trong tháng:

Nhóm lương thực, thực phẩm có chỉ số giá biến động giảm so với tháng trước, trong đó: nhóm lương thực giảm 0,21%, nhóm thực phẩm giảm 2,48%, do hết giãn cách xã hội, các cơ sở kinh doanh đã hoạt động trở lại nên nguồn cung ứng dồi dào, các hoạt động mua bán tương đối ổn định, các ngành chức năng tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở kinh doanh bảo đảm bình ổn giá.

- Nhóm lương thực giảm 0,21% trong đó: giá gạo giảm 0,12%, gạo tẻ thường giảm 0,10%, giá bình quân 13.410 đồng/kg, gạo tẻ ngon giá bình quân 16.650 đồng/kg, giảm 0,41%, gạo nếp giảm chung 0,46%. giá gạo nếp thường giá bình quân 17.000 đồng/kg, gạo nếp ngon giá bình quân 21.558 đồng/kg.

- Nhóm lương thực chế biến giảm 0,24%, trong đó: bánh mì giảm 0,02%, bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,6%, mì sợi, mì phở, cháo ăn liền tăng 0,8%, miến giảm 0,34%, bột ngô giảm 0,38%, ngũ cốc ăn liền giảm 0,67%, ngũ cốc khác tăng 0,02%.

- Nhóm thịt gia súc tươi sống chỉ số chung giảm 6,7% với tháng trước, trong đó: thịt lợn giảm 7,86% nguyên nhân do thịt lợn hơi giảm mạnh do nguồn cung dồi dào, thịt bò giảm 1,72%,. Nhóm thịt gia cầm tươi sống giảm 1,66%, trong đó: thịt gà giảm 1,32%, gia cầm khác giảm 2,11%, thịt gia cầm đông lạnh giảm 0,67% so với tháng trước. Nhóm thịt chế biến giảm 3,28%. Nhóm thủy sản tươi sống giảm 2,48% so tháng trước, trong đó: cá tươi hoặc ướp lạnh giảm 1,87%, tôm tươi hoặc ướp lạnh tăng 4,09%, thủy hải sản tươi sống giảm 2,61%.

- Nhóm hàng rau tươi, rau khô các loại giảm 1,56%, do sau thời gian giãn cách người dân thu hoạch sản lượng nhiều, trong khi đó lượng tiêu thụ ổn định nên giá các mặt hàng rau củ, quả hạ nhiệt so với các tháng trước. Tất cả các loại rau củ đều giảm như: bắp cải, su hào, cà chua, bí xanh, bí đỏ, măng tươi, rau muống, dưa chuột, khoai tây, cải trắng, dưa cải muối dưa...đều giảm giá. Cụ thể giá tăng, giảm như: bắp cải giảm 1,32%, su hào giảm 4,09%, cà chua giảm

0,57%, khoai tây giảm 0,57%, rau muống giảm 4,38%, đỗ quả tươi giảm 3,86%, rau dạng quả củ giảm 1,42%; măng tươi 2,41%; rau tươi khác tăng 1,11%; rau chế biến các loại giảm 1,68%, rau khô các loại giảm 1,49%, phụ liệu nấu ăn giảm 0,41%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng chung 0,23% tăng chủ yếu nhóm quần áo may sẵn, giày dép cho học sinh để chuẩn bị năm học mới cụ thể: may mặc tăng 0,25%; may mặc khác và mũ nón tăng 0,04%; giày dép tăng 0,16%; dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,48%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,25% so tháng trước, trong đó: nhóm nhà ở thuê tăng 0,01% do chủ cơ sở tự tăng giá, nhóm vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,17% chủ yếu giá sắt, thép, cát... giá giảm so với tháng trước, giá nước sinh hoạt giảm 2,05% tháng tháng công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh giảm trong mùa dịch bệnh covid-19 nhằm để chia sẻ một phần chi phí gia đình cho người dân trong mùa dịch, giá điện sinh hoạt giảm 2,11% so thực hiện tháng trước, do nhu cầu sử dụng điện để làm sản xuất kinh doanh trong càn hộ gia đình giảm trong mùa dịch Covid, và được hỗ trợ giảm giá trong mùa dịch Covid 19, giá gas biến động tăng 10,71% so tháng trước do được điều chỉnh vào ngày 01/10/2021, tăng 42.000 đồng/bình 12 kg, giá gas hiện nay đến tay người tiêu dùng là 439.500 đồng/1 bình/12kg tương đương 36.625 đồng/kg gas Petrolimex; giá dầu hỏa giảm tăng 8,0% so với tháng trước. Trong tháng giá dầu hỏa tăng 2 đợt vào ngày 25/9/2021 và vào ngày 11/10/2021, tổng cộng tăng 1.540 đồng/lít.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế, nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục ổn định.

Nhóm giao thông tăng 2,32% so tháng trước, trong đó: nhóm nhiên liệu tăng 5,42%, cụ thể: giá xăng tăng 5,60%, giá dầu nhớt tăng 0,07%, giá dầu diesel tăng 7,54%, (giá dầu; giá xăng 95 và xăng E5 điều chỉnh 2 đợt tăng vào 25/9/2021 và vào ngày 11/10/2021. cụ thể: xăng 95 tăng tổng cộng 1.480 đồng/lít; xăng 92 tổng cộng tăng 1.540 đồng/lít; dầu DO tăng tổng cộng 1.520 đồng/lít.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2021 tăng 2,47% so với cùng thời kỳ năm trước. Một số nhóm hàng có giá tăng so cùng kỳ năm trước như: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,23%, trong đó: giá thực phẩm tăng đến 2,01%, nhóm lương thực tăng 5,81%, nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,25%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,13%; giáo dục tăng 0,24%; hàng hóa dịch vụ khác tăng 1,98%; nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,41%; nhóm giao thông tăng 10%...; các nhóm hàng có chỉ số giá giảm so cùng

kỳ: thiết bị đồ dùng gia đình giảm 0,03%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 1,19%; nhóm văn hóa, giải trí du lịch giảm 0,39% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá vàng tháng 10 giảm 0,10% so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước giảm 5,27%. Chỉ số giá vàng bình quân 10 tháng đầu năm tăng 9,04% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá đôla Mỹ so với tháng trước giảm 0,07%, so tháng 12 năm trước giảm 1,60%. Chỉ số giá đôla Mỹ bình quân 10 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước giảm 0,73%.

V. GIAO THÔNG VẬN TẢI

Vận chuyên hành khách ước thực hiện tháng 10/2021 đạt 286 nghìn hành khách, chia ra: đường bộ đạt 85 nghìn hành khách; đường thủy nội địa đạt 201 nghìn hành khách. Luân chuyển hành khách ước thực hiện tháng 10/2021 đạt 12.104 nghìn hành khách.km, chia ra: đường bộ đạt 11.843 nghìn hành khách.km; đường thủy nội địa đạt 261 nghìn hành khách.km.

Khối lượng vận tải hàng hóa ước thực hiện tháng 10 đạt 324 nghìn tấn, tăng 12,11% so với thực hiện tháng trước. Trong đó: Khối lượng vận tải hàng hóa đường bộ đạt 139 nghìn tấn, tăng 1,46%; đường thủy nội địa 185 nghìn tấn, tăng 21,71%. Luân chuyển hàng hóa ước thực hiện đạt 59.845 nghìn tấn.km tăng 7,48% so tháng thực hiện tháng trước, chia ra: đường bộ đạt 35.710 nghìn tấn.km, tăng 1,44%; đường thủy nội địa đạt 24.135 nghìn tấn.km, tăng 17,85%.

Lũy kế 10 tháng năm 2021, hành khách vận chuyển đạt 6.529 nghìn hành khách, giảm 32,46% so với cùng kỳ năm trước. Luân chuyển hành khách đạt 447.535 nghìn hành khách km, giảm 36,31% so cùng kỳ. Hàng hoá vận chuyển ước đạt 3.509 nghìn tấn, giảm 9,86% so với cùng kỳ năm trước. Luân chuyển hàng hoá ước đạt 665.091 nghìn tấn.km, giảm 8,58% so với cùng kỳ.

Doanh thu hoạt động vận tải tháng ước 10/2021 đạt 68,09 tỷ đồng, giảm 62,09% so cùng kỳ; hiện nay tỉnh đã thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 tạm thời không áp dụng các chỉ thị 15, 16, 19 nên một số hộ kinh doanh vận tải bắt đầu hoạt động trở lại nhưng vẫn còn hạn chế, các tuyến vận tải liên tỉnh dự kiến cuối tháng 10 hoạt động trở lại. Trong đó doanh thu vận tải hành khách ước đạt 15,67 tỷ đồng; doanh thu vận tải hàng hoá đạt 42,18 tỷ đồng; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước tính đạt 10,23 tỷ đồng. Lũy kế 10 tháng năm 2021, doanh thu hoạt động vận tải, bốc xếp, dịch vụ thực hiện đạt 1.307,11 tỷ đồng, giảm 26,59% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó: Doanh thu vận tải hành khách đạt 585,50 tỷ đồng, giảm 36,44%; doanh thu vận tải hàng hoá đạt 558,24 tỷ đồng, giảm 13,04%; doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 163,37 tỷ đồng, giảm 24,86% so cùng kỳ.

VI. BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Bưu chính: Sản lượng dịch vụ thư trong tháng là 335.465 thư, sản lượng dịch vụ gói, kiện hàng hóa là 204.813 kiện. Tổng doanh thu dịch vụ bưu chính ước đạt 6,78 tỷ đồng.

Viễn thông: Tổng số trạm BTS là 1.520 trạm. Tổng số thuê bao điện thoại có trên mạng là 1.508.593 thuê bao, trong đó: có 29.175 thuê bao điện thoại cố định, 1.396.671 thuê bao điện thoại di động trả trước, điện thoại di động trả sau có 82.747. Thuê bao Internet, toàn tỉnh có 80 đại lý với 755.960 thuê bao thuê bao băng rộng di động, 213.881 thuê bao băng rộng cố định, 110.182 thuê bao truyền hình trả tiền. Tổng doanh thu dịch vụ viễn thông tháng 10/2021 đạt 138,33 tỷ đồng.

VII. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm

Trong tháng, đã tư vấn giới thiệu việc làm cho 251 người lao động có nhu cầu học nghề, tìm việc làm trong và ngoài nước. Tổ chức 02 phiên giao dịch việc làm với 15 lượt doanh nghiệp tham gia tuyển dụng và 113 lượt người lao động tham gia tìm kiếm việc làm. Lũy kể từ đầu năm đến nay đã tư vấn việc làm, nghề nghiệp và tuyên truyền người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài 20.310 lượt người; tổ chức 40 phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Bến Tre vào thứ sáu hàng tuần, với mô hình cà-phê việc làm, 04 phiên tại các huyện và phiên trực tuyến kết nối 4 tỉnh. Kết quả, có 361 lượt doanh nghiệp và 2.068 lượt lao động tham gia. Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm 13.777 lao động, đạt 68,89% KH năm (KH là 20.000 lao động), giảm 25,05% so với cùng kỳ (năm 2020 là 18.382 lao động). Trong đó, có 367 lao động trúng tuyển đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng lao động, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên chỉ đưa được 255 người xuất cảnh, đạt 17% KH (KH là 1.500 lao động), giảm 47,5% so cùng kỳ.

Trong tháng có 798 người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp (trong tỉnh 670 người, ngoài tỉnh 128 người); số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 515 người (trong tỉnh 379 người, ngoài tỉnh 136 người). Lũy kể từ đầu năm đến nay, có 7.450 người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp (trong tỉnh 5.530 người, ngoài tỉnh 1.920 người); đã quyết định giải quyết trợ cấp thất nghiệp 7.296 người (trong tỉnh 5.341 người, ngoài tỉnh 1.955 người). Tính đến ngày 14/10/2021, toàn tỉnh đã rà soát, lập danh sách đề nghị hỗ trợ cho 211.236

người lao động và 11.824 hộ kinh doanh, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, với tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ 300,147 tỷ đồng. Trong đó, đã được phê duyệt 186.351 người lao động và 6.667 hộ kinh doanh, doanh nghiệp, kinh phí 230,49 triệu đồng. Đến ngày 14/10, đã chi hỗ trợ cho 159.763 người lao động, đạt tỷ lệ 85,73% so với số đối tượng được phê duyệt và đạt 75,63% so với số rà soát; chi hỗ trợ 3.703 hộ kinh doanh và doanh nghiệp, đạt tỷ lệ 55,54% so với số hộ được phê duyệt và đạt 31,32% so với số rà soát, kinh phí 178,148 tỷ đồng.

2. Giáo dục nghề nghiệp

Trong tháng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh đào tạo 950 người, trong đó: cao đẳng 525 người, trung cấp 320 người, sơ cấp và thường xuyên là 105 người. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 14/10, toàn tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo 1.989 người, trong đó trình độ cao đẳng 641 người, trung cấp là 459 người, sơ cấp và thường xuyên là 894 người. Ước đến cuối năm 2021, tuyển sinh và đào tạo 7.690 người, đạt 69,9% kế hoạch năm. Triển khai tập huấn điều tra, cập nhật thông tin thị trường lao động (cung, cầu lao động) năm 2021 cho Điều tra viên ở cơ sở; tham mưu Kế hoạch của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả lao động nước ngoài tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bến Tre; triển khai thực hiện Kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế những tháng cuối năm 2021 và năm 2022; phối hợp với Sở Y tế lập danh sách tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho 248 người lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; rà soát nhu cầu và xây dựng Kế hoạch đưa người lao động trở lại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Long An để làm việc.

3. Chính sách người có công

Trong tháng đã tiếp nhận và giải quyết kịp thời 139 hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với người có công. Điều chỉnh trợ cấp Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Nghị định số 75/2021/CD-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã tiếp nhận mới và giải quyết 2.036 hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách ưu đãi người có công. Giải quyết đúng, đủ, kịp thời trợ cấp ưu đãi hàng tháng 20.833 người có công với cách mạng, kinh phí trên 37 tỷ đồng/tháng. Lập hồ sơ đề nghị truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 16 mẹ, nâng tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng toàn tỉnh lên 6.920 mẹ (trong đó có 230 mẹ còn sống). Giải quyết chế độ điều dưỡng tại gia đình 8.300 người có công. Tổ chức các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, thăm, tặng 70.347 suất quà Tết cho gia đình chính sách người có công với cách mạng, kinh phí trên 22,3 tỷ đồng. Tổ chức kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ

(27/7/1947 - 27/7/2021), nhân dịp 27/7 toàn tỉnh đã tặng 51.642 suất quà cho gia đình chính sách người có công với cách mạng, kinh phí trên 15,4 tỷ đồng. Vận động kinh phí xây dựng mới 234 căn nhà tình nghĩa, kinh phí 15,87 tỷ đồng. Tiếp tục triển khai kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

4. Bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội

Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã giải quyết trợ cấp mới cho 5.980 đối tượng bảo trợ xã hội, nâng tổng số đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng lên 57.381 người, kinh phí trên 16 tỷ đồng/tháng. Trợ cấp khó khăn đột xuất 52 trường hợp. Tổ chức thăm và trao thiệp mừng thọ của Chủ tịch nước cho 98 người tròn 100 tuổi và 1.369 người tròn 90 tuổi trong toàn tỉnh. Phối hợp với Cục Dự trữ nhà nước khu vực Cửu Long tiếp nhận 2.408,265 tấn gạo và cấp phát cho 71.082 hộ dân với 160.551 nhân khẩu thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 (15 kg/nhân khẩu/tháng). Triển khai kế hoạch tiếp nhận 1.861 công dân từ Thành phố Hồ Chí Minh trở về Bến Tre (đợt 1, đợt 2, đợt 3). Hỗ trợ suất ăn cho công dân tỉnh Bến Tre đang cách ly tập trung khi từ các tỉnh, thành phố về nơi cư trú do dịch bệnh Covid-19.

Cơ sở Cai nghiện ma túy thực hiện tốt công tác quản lý và điều trị cho học viên, đảm bảo công tác an ninh trật tự và phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Trong tháng, Cơ sở Cai nghiện ma túy không tiếp nhận học viên mới, giải quyết ra khỏi cơ sở 38 học viên, trong đó 18 học viên cai nghiện bắt buộc, 20 học viên cai nghiện tự nguyện. Hiện đang quản lý 197 học viên, trong đó: Cai nghiện bắt buộc 162 học viên, 01 học viên đang trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện và 34 học viên cai nghiện tự nguyện.

5. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới

Hướng dẫn thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Phối hợp tổ chức Brittany's Hope tặng 250 suất quà cho cá nhân, hộ gia đình có trẻ em đang sống trong các xóm trọ, khu cách ly, phong tỏa; phân phối 1.600 phần quà trung thu cho trẻ em của các huyện, thành phố. Tổng hợp danh sách 10 hộ gia đình đề nghị xây nhà tình thương, 10 hộ đề nghị hỗ trợ vốn phát triển sinh kế, 10 hộ đề nghị hỗ trợ bò nuôi gửi tổ chức Brittany's Hope; tổng hợp danh sách 40 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn gửi Công ty AIA tài trợ; xây dựng kế hoạch tổ chức hỗ trợ trẻ em mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa do đại dịch Covid-19. Rà soát trẻ trong chương trình cấp lá yêu thương để Ngân hàng Chính sách Xã hội tặng thiết bị học tập trực tuyến.

Lũy kế từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã vận động xã hội hóa trên 2,52 tỷ đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho 422 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

6. Hoạt động giáo dục

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, để đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên đến ngày 15/10/2021 học sinh các cấp học trên địa bàn toàn tỉnh vẫn chưa trở lại trường học bình thường. Sở GD&ĐT đã phối hợp ban hành Kế hoạch liên tịch số 2078/KHPH-SGD&ĐT-THBT ngày 10/9/2021 giữa Sở GD&ĐT và Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Bến Tre về việc phối hợp khai giảng trực tiếp và dạy học trên truyền hình tháng 9, năm học 2021-2022; Kế hoạch số 2026/KH-SGD&ĐT ngày 03/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc tổ chức khai giảng và triển khai dạy học tháng 9 năm học 2021-2022; Công văn số 2274/SGD&ĐT-GDTrH-TX về việc dừng tổ chức dạy học trực tiếp trong tháng 10, năm học 2021-2022; Công văn số 2337/SGD&ĐT-GDTrH-GDTrH ngày 08/10/2021 về thực hiện việc dạy học cho học sinh lớp 12 học kỳ I năm học 2021-2022...

Ngành GD&ĐT đã hoàn thành xét thi đua, công bố các Quyết định khen thưởng năm học 2020-2021 đồng thời hoàn thành hồ sơ thi đua (phục vụ các danh hiệu thi đua cấp cao). Tổ chức các lớp tập huấn chương trình giáo dục mầm non (GDMN) qua 818 điểm cầu trực tuyến cho 310 cán bộ quản lý và 2.277 giáo viên mầm non cốt cán cho 8 huyện, thành phố. Tổng kết năm học 2020-2021 và triển khai hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2021-2022 (của GDMN, giáo dục tiểu học). Hoàn thành bồi dưỡng mô đun 2, 3 cho cán bộ quản lý, giáo viên đại trà; chuẩn bị, triển khai bồi dưỡng mô đun 4. Rà soát nhân sự cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc; tổng hợp thừa thiếu giáo viên các cấp; tổng hợp quy hoạch các đơn vị năm 2021 và giai đoạn 2020-2025; hướng dẫn các cơ sở giáo dục thành lập Tổ Văn phòng và các Tổ Chuyên môn trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập kể từ năm học 2021-2022. Phối hợp Hội Khuyến học tỉnh, Công đoàn giáo dục tỉnh triển khai vận động kinh phí, thiết bị để hỗ trợ học sinh khó khăn trong học trực tuyến (Chương trình Sóng và máy tính cho em). Qua gần 01 tháng thực hiện cuộc vận động, Chương trình đã tiếp nhận của 38 đơn vị, cá nhân tài trợ tổng giá trị tiền và hiện vật trị giá gần 6,7 tỷ đồng, trong đó ủng hộ tiền và cam kết chuyển tiền trên 1,8 tỷ đồng; ghi nhận hiện vật gồm 1.000 điện thoại thông minh, 550 máy tính bảng, 62 bộ máy tính bàn (tổng trị giá trên 4,8 tỷ đồng) và một số tài trợ, ủng hộ kinh phí khác cho học sinh tại một số huyện, thành phố.

7. Hoạt động y tế

Trong tháng bệnh thủy đậu, quai bị, chân tay miệng vẫn tiếp tục xảy ra rải rác tại một số địa phương:

- Sốt xuất huyết (SXH): ghi nhận 15 ca mắc tại 5 huyện, không có ca SXH nặng, không có ca tử vong, so với tháng trước số ca mắc tương ứng, SXH nặng giảm 02 ca; so với cùng kỳ năm 2020 số mắc giảm 700 ca, SXH nặng giảm 24 ca. Lũy kế 10 tháng đầu năm, toàn tỉnh ghi nhận 437 ca mắc, trong đó SXH nặng là 20 ca, không có ca tử vong (số liệu cùng kỳ năm 2020: 2.750 ca mắc, 71 ca SXH nặng, và 0 tử vong).

- Thủy đậu (B01): Trong tháng tỉnh đã ghi nhận 04 ca mắc ở huyện Chợ Lách và Giồng Trôm, so tháng trước số mắc tăng 03 ca; so cùng kỳ năm 2020 số ca mắc giảm 13 ca. Lũy kế 10 tháng đầu năm, toàn tỉnh ghi nhận 182 ca, không có ca tử vong (số liệu cùng kỳ năm 2020: 191 ca mắc).

- Quai bị: ghi nhận 04 ca mắc tại huyện Chợ Lách. so tháng trước số mắc tăng 02 ca; so cùng kỳ năm 2020 số mắc giảm 04 ca. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2021, tỉnh đã ghi nhận 39 ca, 0 tử vong (số liệu cùng kỳ năm 2020: 151 ca mắc).

Đối với dịch Covid- 19: Tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 14/10/2021: Tổng số trường hợp ghi nhận cách ly y tế: 68.557, trong đó 58.267 trường hợp chấm dứt cách ly và 10.290 trường hợp hiện đang cách ly. Tổng số trường hợp được lấy mẫu xét nghiệm có kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 dương tính và được đưa vào điều trị: 2.086, trong đó: 1.860 trường hợp xuất viện, 174 trường hợp đang điều trị, 52 trường hợp tử vong.

Tình hình nhiễm HIV/AIDS: Trong tháng tỉnh đã phát hiện 21 ca nhiễm HIV, 05 ca chuyển AIDS, và 05 ca tử vong. Cộng dồn trong năm: số nhiễm HIV 222 ca, chuyển AIDS 41 ca, tử vong 36 ca (cùng kỳ năm 2020: số nhiễm HIV 272 ca, chuyển AIDS 66 ca, tử vong 45 ca). Cộng dồn từ năm 1993 đến nay: số nhiễm HIV 4.903 ca, chuyển AIDS 2.011 ca, tử vong 1.293 ca.

Công tác dự phòng: Tỉnh đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh và kế hoạch hoạt động các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chủ yếu tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tiêm chủng mở rộng: Tiếp tục triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19, kết quả tính đến ngày 14/9/2021 đã thực hiện tiêm mũi 1 cho 475.757 người, chiếm tỷ lệ 48,51% dân số trên 18 tuổi; mũi 2: 63.294 người, chiếm tỷ lệ 6,45% dân số trên 18 tuổi. Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 42,81%.

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: tỉ lệ trẻ sơ sinh đủ cân từ 2.500g trở lên/TS sơ sinh được cân đạt 97,35%.

Tình hình ngộ độc thực phẩm: tính từ đầu năm đến thời điểm báo cáo không xảy ra.

Công tác điều trị: Các bệnh viện vẫn tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác chuyên môn. Tỷ lệ tử vong chung là 0,4% giảm 0,4% so tháng qua [trong đó tỷ lệ tử vong tại: Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu là 0,8% (giảm 01%), Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh (BV Dã chiến số 4) 0,36% (giảm 0,19%), Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri 0% (giảm 0,13%), Bệnh viện Y học cổ truyền (BV Dã chiến số 2) 0% (giảm 0,19%), Bệnh viện Lao và Bệnh phổi (BV Dã chiến số 1) 0% (giảm 0,38%); Bệnh viện tuyến huyện 0,06% (tăng 0,06%)]. Công suất sử dụng giường bệnh toàn tỉnh đạt 35% so với tháng qua giảm 5%.

Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em – kế hoạch hóa gia đình: Vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu được giao (trong đó tiếp tục duy trì tỷ lệ bà mẹ sinh con tại cơ sở y tế là 100%), đồng thời thực hiện tốt việc khám và quản lý thai. Trong tháng xảy ra 06 trường hợp băng huyết sau sanh tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tử vong mẹ không xảy ra, so với tháng trước số mắc tai biến sản khoa giảm 05 ca.

8. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm: Tiếp tục Thanh tra việc thu, chi tài chính; quản lý và sử dụng tài sản đối với Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Bến Tre. Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện các quy định pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đối với Trường Ban Quản lý Di tích tỉnh Bến Tre. Chủ trì phối hợp với Đội kiểm tra liên ngành 814 và 178 tỉnh kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh karaoke; trò chơi điện tử có kết nối mạng, game bắn cá; các điểm massage, spa, gội đầu thư giãn, cà phê gội đầu; dịch vụ thể thao; khách sạn, nhà nghỉ tại huyện Ba Tri. Kết quả kiểm tra 06 cơ sở kinh doanh karaoke, phát hiện 01 trường hợp (hoạt động karaoke) vi phạm không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động để phòng, chống dịch Covid-19, đã bàn giao vụ việc đến Đội kiểm tra liên ngành 814 và 178 huyện xử lý theo quy định.

Hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan: Kỷ niệm ngày Người cao tuổi Việt Nam (01/10) và hưởng ứng tháng hành động Người cao tuổi Việt Nam năm 2021; Ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy (04/10); Kỷ niệm 60 năm xây dựng chiến đấu và trưởng thành của lực lượng cảnh sát PCCC và CNCH (4/10); kỷ niệm 60 năm Ngày mở Đường Hồ Chí Minh trên biển (23/10/1961-23/10/2021). Tổ chức 09 cuộc xe thông tin cổ động tuyên truyền phòng, chống Covid-19 đợt

4. Sản xuất 02 video clip và 02 audio tuyên truyền phòng chống Covid-19 trên mạng xã hội và hệ thống truyền thanh cơ sở.

Nghệ thuật biểu diễn: tổ chức chấm thi Cuộc thi Sáng tác tranh cổ động tuyên truyền về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tỉnh Bến Tre năm 2021.

Đoàn Nghệ thuật Cải lương Bến Tre: Thu âm và ghi hình tiểu phẩm “Ba dứa làm tổ trưởng” tuyên truyền phòng, chống Covid-19 phát trên các trang xã hội. Hoàn chỉnh thủ tục về nội dung kịch bản “Trái tim và Đôi mắt”, trình thẩm định kịch bản.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa: Triển khai Kế hoạch kiểm tra, giám sát phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và công tác gia đình; xây dựng kế hoạch tập huấn xây dựng đời sống văn hóa và công tác gia đình theo hình thức trực tuyến tại 09 điểm cầu huyện, thành phố.

Hoạt động thể dục thể thao: Dự thảo Kế hoạch tổ chức Lễ khai mạc, bế mạc; Kế hoạch tuyên truyền cổ động trực quan Đại hội TDTT tỉnh lần IX năm 2022. Tiếp tục theo dõi các huyện, thành phố và các ngành về tổ chức Đại hội TDTT cơ sở năm 2021, tiến độ mua sắm và việc lắp đặt các dụng cụ Thể thao ngoài trời cho 02 huyện Mỏ Cày Nam và Chợ Lách. Hướng dẫn các huyện, thành phố thành lập CLB thể thao cơ sở; chuẩn bị tổ chức Lớp tập huấn trọng tài tỉnh Bến Tre năm 2021. Các bộ môn thể thao duy trì công tác đào tạo, vận động viên năng khiếu trở lại trường tham gia huấn luyện tập trung, đảm bảo quy định về công tác phòng chống dịch Covid-19. Triển khai đào tạo năng khiếu tập trung môn Bóng chuyền bãi biển theo định hướng phát triển thể thanh thành tích cao; nâng tuyển đội tuyển cho 04 vận động viên năng khiếu môn Canoeing. Hoãn thời gian tổ chức tất cả các giải thể thao.

Kết quả tham dự các giải thể thao: Tính từ đầu năm đến ngày 9/10/2021 tham dự 8 giải thể thao khu vực, toàn quốc đạt 23 huy chương (09 HCV, 10 HCB, 04 HCD). Tính từ đầu năm đến ngày 9/8/2021 thành tích huy chương tham dự 8 giải thể thao khu vực, toàn quốc đạt 23 huy chương trong đó (09 HCV: 03 giải bơi vô địch quốc gia, 03 giải Canoeing vô địch CLB toàn quốc, 01 giải Cờ vua vô địch đồng đội, 02 giải Judo vô địch quốc gia; 10 HCB: 02 giải Canoeing vô địch CLB toàn quốc, 02 giải Cờ vua vô địch đồng đội, 03 giải Điền kinh Cúp Tốc độ Thống nhất, 03 giải Vovinam vô địch CLB toàn quốc; 04 HCD: 01 giải Điền kinh Cúp Tốc độ Thống nhất, 02 giải Judo vô địch quốc gia, 01 giải Vovinam vô địch CLB toàn quốc.

6. Tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội

Theo nguồn số liệu từ Công an tỉnh, trong kỳ báo cáo, trên địa bàn tỉnh xảy ra 51 vụ phạm pháp hình sự, làm chết 02 người và bị thương 04 người tài sản thiệt hại ước khoảng 523,58 triệu đồng. So với tháng trước giảm 10 vụ, tăng 01 người chết và tăng 04 người bị thương, tài sản thiệt hại giảm 426,2 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, giảm 21 vụ; số người chết tương đương, giảm 15 người bị thương, tài sản thiệt hại giảm 5.897,4 triệu đồng. Lũy kế đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh phát sinh 610 vụ, làm chết 20 người bị thương 78 người, tài sản thiệt hại 4.192,57 triệu đồng.

Tệ nạn xã hội và vi phạm hành chính trong tháng xảy ra 18 vụ, tăng 01 vụ so với tháng trước và giảm 15 vụ so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế đến kỳ báo cáo toàn tỉnh phát sinh 529 vụ, giảm 72 so với cùng kỳ năm trước.

Tai nạn xã hội: Trong tháng xảy ra 15 vụ làm chết 10 người và bị thương 6 người, tài sản thiệt hại khoảng 16 triệu đồng. So với tháng trước tăng 11 vụ, số người chết tăng 06 người, tăng 06 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước giảm 18 vụ, giảm 8 người chết, giảm 05 người bị thương, tài sản thiệt hại giảm 1.708 triệu đồng. Lũy kế đến kỳ báo cáo, toàn tỉnh phát sinh 199 vụ tai nạn xã hội, làm chết 130 người, bị thương 37 người, trong đó:

- *Tai nạn giao thông đường bộ* xảy ra trong kỳ báo cáo là 10 vụ (bao gồm cả các vụ va chạm giao thông), làm chết 4 người và làm bị thương 6 người, tài sản thiệt hại khoảng 16 triệu đồng. So với tháng trước, tăng 09 vụ tăng 03 người chết, tăng 06 người bị thương và tài sản thiệt hại tăng 4 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước giảm 13, giảm 14 người chết, giảm 5 người bị thương. Lũy kế đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh phát sinh 112 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 91 người, bị thương 38 người. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông đường bộ chủ yếu do các phương tiện đi không đúng phần đường quy định, thiếu chú ý quan sát, chạy quá tốc độ quy định, vượt sai quy định và đa phần đều đã uống rượu bia khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

- *Tai nạn giao thông thủy* không phát sinh.

- *Tai nạn cháy:* Trong tháng không phát sinh. Lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh phát sinh 6 vụ cháy thiệt hại 5.160 triệu đồng.

- *Tai nạn khác:* Trong kỳ báo cáo xảy ra 05 vụ, làm chết 06 người, trong đó có 03 vụ do đuối nước làm chết 03 người, 01 vụ do điện giật làm chết 01 người và 01 vụ tai nạn khác làm chết 02 người. So tháng trước tăng 02 vụ, tăng 03 người chết. So cùng kỳ năm trước số vụ tương đương nhưng giảm 03 người chết và giảm 02 người chết. Lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo phát sinh 38 vụ tai nạn khác làm chết 39 người.

7. Thiệt hại thiên tai

Trong tháng xảy ra 2 vụ thiên tai. Do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, biển động mạnh, vào ngày 07/10/2021 gây ra 01 vụ chìm tàu đánh bắt thủy sản hành nghề cào đoi tại xã An Thủy và ngày 9/10/2021 chìm tàu cao tốc chở công nhân ra các trạm điện gió ở huyện Ba Tri. Ngành chức năng đã kịp thời ứng cứu nên cả hai vụ đều không gây thiệt hại về người, nhưng thiệt hại về tài sản ước khoảng 3,15 tỷ đồng./.

Nơi nhận:

- Vụ TKTH, TCTK;
- VP Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TH;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng